TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74**/2019/DS-ST
Ngày: 26/9/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Phạm Văn Nam

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ngày **26** tháng **9** năm **2019**, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP B** ;

Địa chỉ trụ sở: Số X, đường Y, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Bà Trần Ngọc P - Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh B; Theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2017.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Duy P - Tổ trưởng Phòng hỗ trợ hoạt động Ngân hàng TMCP B chi nhánh B; Theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2019. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn A,** sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2019, bản tự khai, cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/4/2018, ông Nguyễn Văn A đã ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1234với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh B. Hai bên thống nhất việc ngân hàng cho ông A vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

- Số tiền cho vay: 100.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Sửa chữa nhà ở.

- Thời hạn cho vay: 60 tháng (từ ngày 07/4/2018 đến ngày 06/4/2023)

- Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả trong 60 kỳ (mỗi kỳ tương ứng 01 tháng), từ kỳ 01 đến kỳ 59 mỗi kỳ phải trả số tiền là 1.670.000 đồng/kỳ, kỳ 60 trả 1.470.000 đồng; Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả vào ngày 15 định kỳ hàng tháng theo dư nợ thực tế.

- Tài sản thế chấp: Tín chấp (không có tài sản bảo đảm).

- Theo định kỳ trả nợ gốc và nợ lãi: Ngày 15 định kỳ hàng tháng ông A phải thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Tuy nhiên, ông A không thực hiện đúng theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, thường xuyên thanh toán không đúng thời hạn quy định mặc dù ngân hàng đã nhiều lần thông báo, liên hệ đôn đốc trả nợ, tạo mọi điều kiện nhưng ông A không hợp tác trả nợ. Từ ngày 15/02/2019 cho đến nay, ông A chưa thanh toán toàn bộ gốc lãi đến hạn của khoản vay nêu trên.

Nay, ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 26/9/2019 là: 93.174.803 đồng, trong đó: tiền gốc 84.970.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 7.684.342 đồng, tiền lãi quá hạn: 520.461 đồng, theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1234 ngày 06/4/2018. Đồng thời, kể từ ngày 27/9/2019 ông A còn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1234 ngày 06/4/2018 cho đến khi trả tất nợ cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn A được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông A vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1234 ngày 06/4/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B với ông Nguyễn Văn A thể hiện nội dung: Ngân hàng TMCP B có cho ông A vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay là để sửa chữa nhà ở, thời hạn vay là 60 tháng. Ngân hàng cho rằng ông A đã vi phạm hợp đồng ký kết nên nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông A thanh toán tiền cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản).

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 13/6/2019 và nội dung thỏa thuận tại tại khoản 14.2 Điều 14 Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1234 ngày 06/4/2018 có nội dung: "Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên trao đổi, thương lượng, nếu không giải quyết được thì sẽ khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền". Đồng thời, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ông A có nơi cư trú tại ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Toà án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho ông Nguyễn Văn A theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn A vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc ông A vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn A theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Xét Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1234 ngày 06/4/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B với ông Nguyễn Văn A đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông A đã thanh toán được cho Ngân hàng TMCP B được số tiền gốc là 15.030.000 đồng, tiền lãi là 9.462.733 đồng. Kể từ ngày 15/02/2019 đến nay, ông A không thanh toán tiếp số tiền nợ đến hạn. Như vậy, ông A đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa

thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng TMCP B. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn A phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 26/9/2019 với tổng số tiền là 93.174.803 đồng, trong đó: tiền gốc 84.970.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 7.684.342 đồng, tiền lãi quá hạn: 520.461 đồng, theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1234ngày 06/4/2018 là có cơ sở chấp nhận. Kể từ ngày 27/9/2019, ông A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B được chấp nhận nên ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 93.174.803 đồng x 5% = 4.658.500 đồng. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với bị đơn ông Nguyễn Văn A, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 26/9/2019 là: 93.174.803 (chín mươi ba triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm lẻ ba) đồng, trong đó: tiền gốc 84.970.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 7.684.342 đồng, tiền lãi quá hạn: 520.461 đồng, theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1234ngày 06/4/2018.

Kể từ ngày 27/9/2019, ông Nguyễn Văn A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP B thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn A phải tiếp

tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn A phải chịu 4.658.500 (bốn triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.245.000 (hai triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003675 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Ngân hàng TMCP B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như